

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 10A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 340 /MN10A
Về việc phân bổ bổ sung dự toán
NSNN năm 2024

Tân Bình, ngày 26 tháng 11 năm 2024

PHÂN BỐ BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND quận Tân Bình về phân bổ bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình

Căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành;

Trường Mầm non 10A phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 như sau (đính kèm mẫu biểu số 49).

Đề nghị Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra phân bổ bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm non 10A.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN QTB;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Mai Thị Mộng Thu

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 10A

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi Chú
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	1.163.240.000	
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.163.240.000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	
3.2	Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ	112.240.000	
	- Kinh phí tăng quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	112.240.000	
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	1.051.000.000	
	- Kinh phí tăng mức lương cơ sở theo NĐ73/2024-NĐ-CP	473.000.000	
	- Kinh phí tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND do tăng mức lương cơ sở	578.000.000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi sự nghiệp kinh tế		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi Chú
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1048793	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		

Số: 83 /QĐ-MN10A

Tân Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm Non 10A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND quận Tân Bình về phân bổ bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của trường Mầm Non 10A (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...

HIỆU TRƯỞNG

Mãi Thị Mộng Thu

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 10A

Mẫu biểu số 49

Chương: 622

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND quận Tân Bình)

Chương: 622

Loại: 070

Khoản: 071

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi Chú
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
2.1	Chi sự nghiệp		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	1.163.240.000	
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.163.240.000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
3.2	Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ	112.240.000	
	- Kinh phí tăng quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/NĐ-CP	112.240.000	
3.3	Nguồn cải cách tiền lương	1.051.000.000	
	- Kinh phí tăng mức lương cơ sở theo ND73/2024-NĐ-CP	473.000.000	
	- Kinh phí tăng dự toán chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND do tăng mức lương cơ sở	578.000.000	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
6	Chi sự nghiệp kinh tế		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi Chú
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1048793	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		